



xiǎng xiàng

想像

verb/noun · imagine, imagination

Example Sentence

nǐ néng xiǎng xiàng wèi lái de shēng huó ma
你能想像未来的生活吗？

Can you imagine life in the future?

Trace each character, then write the word on your own.

想	想	想	想	想	想	想	想	想	想	想
想	想	想	想	想						

像	像	像	像	像	像	像	像	像	像	像
像	像	像	像	像						

